

1. Họ và tên: Mai Thanh D.                                  Giới: Nam                                  Năm sinh: 1978 (42t)

2. Dân tộc: Kinh

3. Nghề nghiệp: Công nhân

4. Địa chỉ: Bình Thuận

5. Nhập viện ngày: 3/10/2020 – Lâu 9: khoa Lòng ngực mạch máu – BVĐHYD

6. Số NV: 20-0079695                                  Số hồ sơ: N20-0254766

- BN tỉnh, tiếp xúc tốt
- M: 80 l/p
- HA: 120/80
- NT: 18 l/p
- SpO2: 94%

- Bệnh lý:
- + Không có tiền căn THA, ĐTĐ, RL lipid máu

+ Không có tiền căn lao, không tiền căn COPD, hen

+ Không tiền căn chấn thương, tiền căn phẫu thuật

- Thói quen:

+ Hút thuốc lá: 40 gói-năm bắt đầu từ năm 25 tuổi

+ Uống rượu vừa phải

- Dị ứng: không ghi nhận tiền căn dị ứng

- Tiếp xúc với thuốc và hóa chất: không

**2. Gia đình:** Chưa ghi nhận tiền căn bệnh lý Phình ĐMC, bệnh lý ác tính

## **V. LƯỢC QUA CÁC CƠ QUAN**

- Tim mạch: Không đau ngực, không hồi hộp đánh trống ngực

- Hô hấp: không khó thở, không ho, không khò khè

- Tiêu hóa: Đau nhẹ quanh rốn, không chán ăn, không sụt cân, không buồn nôn, không ợ hơi, không ợ chua, đi phân vàng đóng khuôn

- Tiết niệu: Không đau hông lưng, nước tiểu vàng sậm, tiểu không gắt buốt

- TK – cơ xương khớp: Không đau cơ, sưng đau khớp, không yếu tay chân

## **VI. KHÁM:** 06/11/2020

### **1. Tổng quát:**

- Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc tốt

- Cân nặng: 59kg      Chiều cao: 1,62m      BMI: 22,5      → Thể trạng trung bình

- Sinh hiệu:

+ Mạch: 80 l/p

+ HA: 110/70

+ t°: 37°C

+ Nhịp thở: 18 l/p

- Da niêm hồng, củng mạc mắt không vàng, môi không khô, lưỡi không đỏ

- Không ngón tay dùi trống

- Không phù

- Thở không co kéo cơ hô hấp phụ

### **2. Đầu mắt cổ:**

- Đầu mặt cân đối, hộp sọ cân đối, không dị dạng
- Tuyến giáp không to, khí quản không lệch
- Mũi hõng không xuất huyết
- Hạch ngoại biên không sờ chạm
- Tĩnh mạch cổ không nổi ở tư thế 45°

### 3. Lồng ngực:

- Lồng ngực cân đối, không sẹo mổ cũ, không có lồng ngực hình thùng
- Lồng ngực di động theo nhịp thở
- Không sao mạch, không tuần hoàn bàng hệ, không xuất huyết, KLS không dẫn rộng
- Thở không co kéo cơ hô hấp phụ

#### a) Tim:

- Không ồ đập bất thường
- Mỏm tim nằm ở KLS 5, cách đường trung đòn T 1cm, diện đập 1x2cm
- Hardzer (-), dấu nảy trước ngực (-)
- T1, T2 rõ, tần số 80 l/p, không âm thổi

#### b) Phổi:

- Không dấu lép búp dưới da
- Độ dẫn nở lồng ngực tốt
- Rung thanh đều 2 bên phế trường
- Gõ trong
- Rì rào phế nang êm dịu 2 bên phế trường

### 4. Bụng:

- Cân đối, di động đều theo nhịp thở, không sao mạch, không sẹo mổ cũ, không tuần hoàn bàng hệ, không ồ đập bất thường
- Nhu động ruột: 4 lần/phút
- Gõ trong khắp bụng
- Bụng mềm, ấn đau quanh rốn, không đề kháng thành bụng, sờ phát hiện khối phòng bên trái rốn, kích thước 2x2cm, đập theo nhịp.
- Gan lách không sờ chạm, chiều cao gan khoảng 7cm

### 5. Tứ chi cột sống – mạch máu:

- Cổ mềm
- Khớp không sưng nóng đỏ đau, cột sống không gù vẹo
- Mạch cảnh rõ 2 bên, không âm thổi
- Chi trên: ĐM cánh tay, ĐM quay đều 2 bên, lòng bàn tay và móng tay hồng, huyết áp 2 tay bằng nhau, CRT < 2s
- Chi dưới: Da hồng, ĐM khoeo, ĐM chày sau, ĐM mu chân đều rõ, huyết áp chân và tay không chênh, CRT < 2s

## **VII. TÓM TẮT BỆNH ÁN**

BN nam 42 tuổi, nhập viện vì đau bụng, bệnh 6 tháng. Qua hỏi bệnh và thăm khám ghi nhận

- Triệu chứng cơ năng:
  - + Đau quanh rốn, lan sau lưng
- Triệu chứng thực thể: khối phòng bên trái rốn đập theo nhịp 2x2cm
- Tiền căn: hút thuốc lá 40 gói-năm

## **VIII. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Đau bụng

## **IX. CHẨN ĐOÁN**

1. **Chẩn đoán sơ bộ:** Phình động mạch chủ bụng dọa vỡ do xơ vữa động mạch

## **X. BIỆN LUẬN**

- BN đau bụng vùng bụng quanh rốn, lan sau lưng. Sờ thấy khối phòng đập theo nhịp bên T rốn, và BN có những yếu tố nguy cơ của xơ vữa động mạch: có tiền căn hút thuốc lá 40 gói-năm → nghĩ nhiều phình động mạch chủ bụng do xơ vữa → siêu âm bụng để xác định chẩn đoán

- Biện chứng:
  - + Tắc mạch cấp tính: lướt qua các cơ quan không thấy BN có thiếu máu cấp tính ở ngoại vi → ít nghĩ → siêu âm Doppler mạch máu chi trên, chi dưới
  - + Phình Động mạch chủ bụng dọa vỡ: BN đã xuất hiện triệu chứng đau bụng → nghĩ nhiều → siêu âm bụng, CT scan bụng
  - + Vỡ túi phình, bóc tách: sinh hiệu BN ổn, da niêm hồng nhưng BN đã có triệu chứng đau bụng → chưa loại trừ → siêu âm bụng

## **XI. ĐỀ NGHỊ CLS**

### **1. CLS thường quy**

- Công thức máu
- Đường huyết
- BUN, Creatinin máu
- Xquang ngực thẳng
- TPTNT
- ECG
- Bilan lipid máu
- Ion đồ

### **2. CLS chẩn đoán:**

- - Siêu âm bụng
- - Siêu âm tim
- - CT scan ngực - bụng có cản quang
- - CTA
- - Siêu âm Doppler mạch máu chi dưới, chi trên, ĐM cảnh

## **XI. KẾT QUẢ CLS – BIÊN LUẬN LÂM SÀNG CÂN LÂM SÀNG**

### **1. XN huyết học: 03/11/2020**

Xét nghiệm	Kết quả	Khoảng tham chiếu
WBC	9.72	4-10 G/L
- NEU %	62.9	45-75% N
- NEU #	6.12	1.8-7.5 N
- LYM%	28.5	20-35% L
- LYM #	2.77	0.8-3.5L
- MONO %	6.68	4-10% M
- MONO #	0.649	0.16 – 1.0 M
- EOS %	1.46	1-8% E
- EOS #	0.142	0.01-0.8 E
- BASO %	0.105	0 0 2% B
- BASO #	0.01	0 – 0.2 B
RBC	4.30	3.8 – 5.5 T/L
HGB	135	120 – 175 g/L
HCT	0.407	0.35 – 0.53 g/L
MCV	94.7	78-100 fL
MCH	31.4*	26.7-30.7 pG
MCHC	331	320-350 g/L
RDW	12.9	12-20%

NRBC %	0.00	0.0-2.0%
NRBC #	0.00	0.0-2.0%
PLT	277	150-450 G/L
MPV	8.18	7-12 fL
Thời gian Prothrombin (PT, TQ) bằng máy tự động		
PT	11.7	11.1-15.3 giây
PT%	91.3	70-140%
INR	1.06	0.8-1.2
PT (bn)/ PT chứng	3.83	0.8-1.2
Fibrinogen (định lượng yếu tố I)	4.35	2.38-4.98 g/L
Thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)		
. APTT	29.9	25.1-36.5 giây
. APTT (bn)/ APTT chứng	1.00	0.8-1.2
Thời gian thrombin (TT)	13.2	10.3 – 16.6 giây
Định nhóm máu hệ ABO thuận nghịch và Rh (D)		
Nhóm máu ABO	B	
Rh(D)	DƯƠNG TÍNH	

→ *Nhận xét:* CT máu bình thường, xét nghiệm đông máu bình thường

## 2. Sinh hóa máu: 03/11/2020

Xét nghiệm	Kết quả	Khoảng tham chiếu
Glucose	5	3.9-6.4 mmol/L
Glucose	90	70-115 mg/dL
Ure	27.56	10.2 – 49.7 mg/dL
Creatinine	0.92	0.72-1.18 mg/dL (nam)
eGFR (CKD-EPI)	90	>= 60 ml/ph/1.73m <sup>2</sup>
AST	18	< 41 U/L
ALT	16	< 41 U/L
Natri	135*	136-146 mmol/L
Kali	3.95	3.4 – 5.1 mmol/L
Định lượng Clo	102	98 – 109 mmol/L
Định lượng Calci toàn phần	2.42	2.10 – 2.55 mmol/L
Cholesterol	6.59*	3.9-5.2 mmol/L
. Cholesterol	254*	150-200 mg/mL
HDL Cholesterol	0.92	> 0.9 mmol/L
. HDL Cholesterol	36	> 35 mg/mL

Non – HDL Cholesterol	5.67	mmol/L
. Non HDL Cholesterol	218.9	mg/mL
LDL Cholesterol	5.1*	< 3.4 mmol/L
. LDL Cholesterol	197*	< 131 mg/mL
Triglyceride	0.88	0.46-1.88 mmol/L
. Triglyceride	78	40-166 mg/mL

→ *Nhận xét:*

- Creatinin huyết thanh bình thường, eGFR (CKD-EPI) bình thường
- Rối loạn lipid máu: Cholesterol toàn phần tăng, HDL-c giảm

### 3. TPTNT (10 thông số): 03/11/2020

Xét nghiệm	Kết quả	Khoảng tham chiếu
COLOR	VÀNG	Vàng nhạt
CLARITY	TRONG	Trong
GLU	ÂM TÍNH	Bình thường: < 1.7 mmol/L
BIL	ÂM TÍNH	Âm tính: <3.4 umol/L
KET	ÂM TÍNH	Âm tính: < 0.5 mmol/L
SG	1.018	1.01-1.025
pH	5.5	4.8-7.5
Alb/Cre (bán định lượng)	BÌNH THƯỜNG	< 3.4 mg/mmol
PRO	ÂM TÍNH	Âm tính: <0.1 g/L
URO	3.2	Bình thường: < 17 umol/L
NIT	ÂM TÍNH	Âm tính
LEU	15	Âm tính: <10/uL
BLOOD	ÂM TÍNH	Âm tính: < 5 Ery/uL
Pro/ Cre	BÌNH THƯỜNG	mg/mmol

→ *Nhận xét:* TPTNT bình thường

### 4. Siêu âm bụng: 03/11/2020

- Gan: không to, đồng nhất, bờ đều  
Các TM trên gan và TM cửa bình thường
- Đường mật: trong và ngoài gan không giãn, không sỏi
- Túi mật: vách đều, không dày, không có gì lạ
- Lách: không to, đồng nhất

- Tụy: không to, đồng nhất

- Thận

Thận phải cấu trúc và kích thước bình thường, phân biệt vỏ - tủy rõ, không nước, không sỏi

Niệu quản P: không dẫn. Thượng thận: không thấy

Thận trái cấu trúc và kích thước bình thường, phân biệt vỏ - tủy rõ, không nước, không sỏi

Niệu quản P: không dẫn. Thượng thận: không thấy

- Bàng quang: thành đều, lòng phản âm trống

- Tiền liệt tuyến: không to, khá đồng nhất, vỏ bọc đều

- Các bộ phận khác: hình dạng thoi ĐMC bụng dưới chỗ chia ĐM thận, kéo dài đến chỗ chia nhánh ĐM chậu chung, dmax#55mm, đường kính đầu trên và dưới lần lượt #32mm và 27mm, thành mạch xơ vữa, bờ không đều, bên trong có vài xoang dịch, nghi xuất huyết trong mảng xơ vữa

Dịch màng phổi (-)

- Xoang bụng: chưa ghi nhận bất thường



- Kết luận: Hình dạng thoi ĐMC bụng dưới chỗ chia ĐM thận/xơ vữa ĐMC bụng

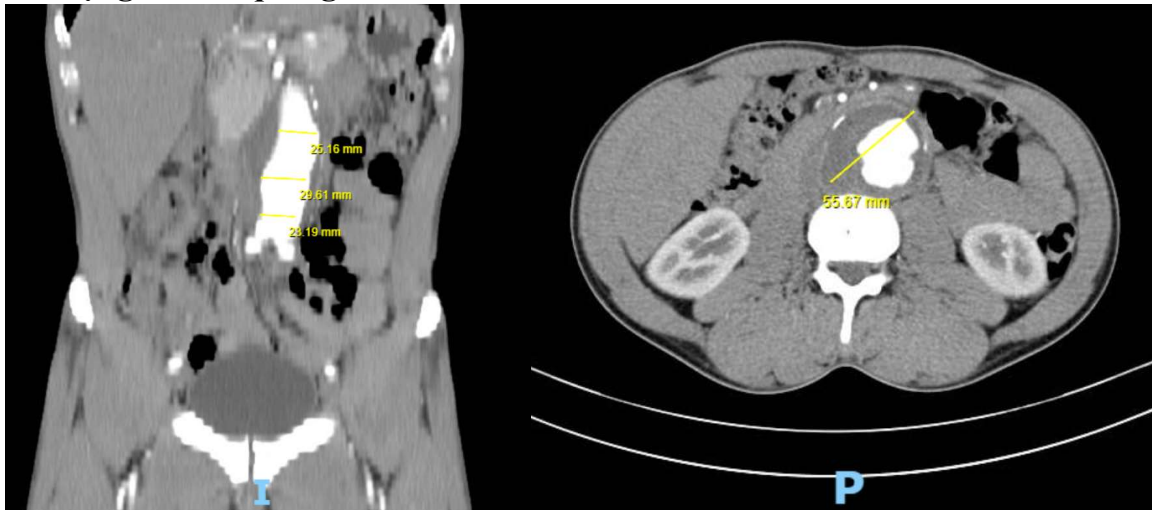
##### 5. Siêu âm tim: 03/11/2020

- Các van tim mềm không sa
- Các thành tim không dày



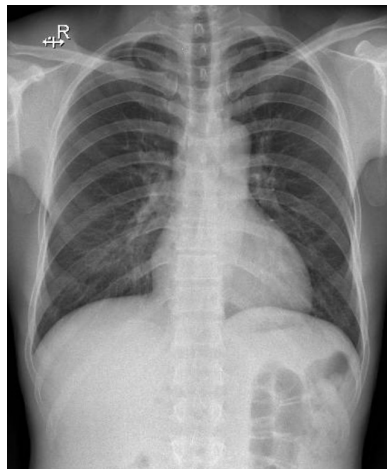
- Vách liên thất và liên nhĩ nguyên vẹn
- Các buồng tim không giãn
- Không huyết khối buồng tim >3mm
- Không thấy rối loạn vận động vùng
- Chức năng tâm thu và tâm trương thất trái bình thường
- Không tràn dịch màng tim
- Hở van 2 lá  $\frac{1}{4}$ , hở van 3 lá  $\frac{1}{4}$ , không tăng áp ĐMP
- Kết luận: SÂ tim hiện trong giới hạn bình thường (EF Teichholz=61%)

#### 4. CT bụng có cản quang:



- Kết luận: Phình dạng thoi ĐMC bụng dưới chỗ chia ĐM thận/xơ vữa ĐMC bụng

#### 5. Xquang ngực thẳng: 03/11/2020



- Tổn thương nhu mô trong hai phổi: Không có.
- Cấu trúc các rốn phổi: bình thường, không có hạch phì đại.
- Các khoảng phế mạc: Bình thường.

- Các cơ hoành: Bình thường.
- Tim: Không to.
- Các mạch máu chính: quai động mạch chủ bình thường
- Trung thất: Không mở rộng, không có hạch phì đại.
- Bộ xương và mô mềm ngực: Bình thường.
- Ghi nhận khác: Không có.
- Kết Luận: X quang ngực bình thường.

### **XIII. CHẨN ĐOÁN XÁC ĐỊNH**

Phình động mạch chủ bụng dưới thận và vị trí chia đôi động mạch chậu trong và ngoài bên phải dọa vỡ

### **XIV. ĐIỀU TRỊ**

- Điều trị nguyên nhân: ở BN này có thể do xơ vữa ĐM do có RL lipid máu → điều trị nội khoa
- Điều trị túi phình: có chỉ định phẫu thuật: phình ĐMCB có triệu chứng
- Phương pháp phẫu thuật: Đặt stent graft động mạch chủ bụng
- Biến chứng sau mổ:
  - + Chảy máu
  - + Thiếu máu chi dưới
  - + Nhiễm trùng